

KIM CƯƠNG ĐỈNH THẮNG SƠ DU GIÀ PHỔ HIỀN BỒ TÁT NIỆM TỤNG PHÁP

Hán dịch: Chùa Đại Hưng Thiện_Tam Tạng Sa Môn Đại Quảng Trí **BẤT KHÔNG**
phụng chiếu dịch

Sưu tập Phạm Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

Quy mệnh lễ **Phổ Hiền**
Pháp Giới Chân Như Thế
Nay Ta y Đại Giáo
Kim Cương Đỉnh Thắng Sơ
Lược thuật nghi tu hành
Thắng Sơ Kim Cương Giới
Hải Hội các Thánh Chúng
Ban vui nhìn gia hộ
Lợi ích người tu hành
Vì thế nên kết tập
Nếu muốn cầu Giải Thoát
Y chỗ A Xà Lê
Cầu nhận nơi Quán Đỉnh
Nếu được hứa khả xong
Mới y Bản Giáo tu
Chọn lực được Thắng Xứ
Kiến lập nơi Luân Đàn
Tức nên tưởng thân mình
Đồng với **Thế Phổ Hiền**
Màu trắng như kha tuyết
Ngồi thẳng nhập Tam Muội
Trên lưỡi tưởng **Ngũ Cổ**
Chày Kim Cương tĩnh diệu
Mật tụng Chân Ngôn này
Đồng một Pháp Giới tịnh
Liên tụng Chân Ngôn là:
“An, sa-phộc bà phộc thú độ hàm”
ॐ 唵 嚩 囉 嚩 囉 嚩 囉 嚩 囉 嚩 囉
OM SVABHÀVA ‘SUDDHA UHAM
Do tụng Chân Ngôn này
Thân Khí đều thanh tịnh
Quán Phật ở hư không

Trần khắp như hạt mè
Liên tụng **Biển Chiêu Minh**
Thấy chư Phật rõ ràng
Quán Phật Chân Ngôn là:
“**Khiêm, phộc nhật-la đà đô**”
唵 𑖀𑖃𑖔𑖧𑖨

KHAM VAJRADHĀTU
Ứng mãn **Hạnh Phổ Hiền**
Cầu thành Tối Chính Giác
Thân tâm chẳng dao động
Trong Định, lễ chư Phật
Liên tụng Chân Ngôn là:
“**An, tát phộc đát tha nga đa, bá ná măn ná nam, ca lô nhĩ**”
𑖀 𑖤𑖥 𑖔𑖧𑖨𑖧𑖨 𑖥𑖥 𑖀𑖃𑖔𑖧𑖨 𑖧𑖧𑖨𑖧𑖨
OM SARVA THATHĀGATA PĀDA VANDANĀM KARA UMI

Bản Tôn Đại Ấn thành
Tiếp kết **Kim Cương Chưởng**
Hợp chặt giao phần đầu
Mật Ngôn xưng như vậy:
“**Phộc nhật-la nhạ lý**”
𑖀𑖃𑖔𑖧𑖨𑖧𑖨

VAJRA JĀLI
Liên tác **Kim Cương Phộc**
Minh ấy, bày như sau:
“**Phộc nhật-la măn đà**”
𑖀𑖃𑖔𑖧𑖨

VAJRABANDHA
Mở Phộc, đẩy võ tim
Nên tụng Mật Ngôn là:
“**Phộc nhật-la măn đà, đát-la tra**”
𑖀𑖃𑖔𑖧𑖨 𑖤𑖥

VAJRABANDHA TRĀṬ
Tiếp Kim Cương Phộc trước
Mở Thiên Trí (2 ngón cái) Đàn Tuệ (2 ngón út)
Xưng khắp vào Chân Ngôn
Giáng lâm mỗi gia trì
“**Phộc nhật-la phệ xá, ác**”
𑖀𑖃𑖔𑖧𑖨 𑖤𑖥𑖧𑖨𑖧𑖨

VAJRA AVI'SA AH
Chẳng sửa Khế lúc trước
Thiên Trí (2 ngón cái) gia Tiến Lực (2 ngón trỏ)
Đây là Tam Muội Quyển

Chân Ngôn tụng như vậy:

“Phộc nhật-la mẫu sắt-trí, hàm”

𑖀𑖄𑖆𑖇𑖉

VAJRA MUṢṬI VAM

Chia quyền ấy làm hai

Trái mạn (?) phải an tim

Thân Ngữ Ý Kim Cương

Hình thể như Sơ Quán (Quán lúc ban đầu)

Đồng Phộc trước làm chuẩn

Trí (ngón cái trái) và Tiến (ngón trở phải) như cửa

Thiền (ngón cái phải) ép ở giữa ấy

Bí Mật Tam Muội Khế

Ấn: tim, trán, họng, đỉnh

Điều tụng Chân Ngôn này:

“Tố la đa, tát-đát-noan”

𑖀𑖄𑖆𑖇𑖉

SURATA STVAM

Kim Cương Phộc giao bày

Nhấn Nguyện (2 ngón giữa) thành dạng đao

Tiến Lực (2 ngón trở) vịn cạnh đao

Y vạch đầu thứ nhất

Thiền (ngón cái phải) đè ở đầu Trí (ngón cái trái)

Như thế ngồi Kiết Già

Ấn đỉnh, tim nên tưởng

Tỳ Lô Giá Na Phật (Vairocana Buddha)

Trang nghiêm màu trắng tinh

Tụng Chân Ngôn này là:

“An, bộ khiếm”

𑖀𑖄𑖆𑖇𑖉

OM BHUḤ KHAM

Tiếp nên ấn vàng trán

Nên tưởng **A Súc Bệ** (Akṣobhya Buddha_ Bất Động Phật)

Màu xanh ở phía trước

Tụng Mật Minh này là:

“Phộc nhật-la tát-đát-phộc”

𑖀𑖄𑖆𑖇𑖉

VAJRASATVA

Tiếp ấn bên phải đỉnh

Tên là **Bảo Sinh Tôn** (Ratnasambhava Buddha_ Bảo Sinh Phật)

Tướng đoan nghiêm màu vàng

Chân Ngôn tụng như vậy:

“Phộc nhật-la la-đát-na”

𑖀𑖄𑖆𑖇𑖉

VAJRARATNA

Nâng để phía sau đỉnh

Vô Lượng Thọ Như Lai (Amitayus Buddha)

Nghi thù đặc màu đỏ

Xưng Chân Ngôn này là:

“Phộc nhật-la đạt ma”

𑖀𑖄𑖔𑖒

VAJRADHARMA

Lại để bên trái đỉnh

Bất Không Thành Tựu Tôn (Amoghasiddhi Buddha)

Màu lục, đồng năm Phật

Xưng Mật Minh này là:

“Phộc nhật-la yết ma”

𑖀𑖄𑖔𑖒

VAJRAKARMA

Tiếp tác **Bảo Man Khế**

Quán Đỉnh dùng nghiêm thân

Đem hai Kim Cương Quyền

Quấn vòng quanh trước trán

Lại chia quyền sau ót

Như trước cột vòng hoa

Từ Đàn Tuệ (2 ngón út) mở dần

Buông xuống ở hai bên

Như tưởng rũ đai lụa

Tụng tiếp Chân Ngôn sau:

“An, phộc nhật-la ma la, tịch tru tả mãn, hàm”

𑖀𑖄𑖔𑖒𑖔𑖒𑖔𑖒𑖔𑖒𑖔𑖒𑖔𑖒𑖔𑖒𑖔𑖒𑖔𑖒

OM VAJRAMĀLA ABHIṢIMCA MĀM VAM

Điều duỗi cánh Đỉnh Tuệ (2 bàn tay)

Cùng thành tựu **Phách Khế**

Hay thích tất cả Thánh

Chân Ngôn xưng như vậy:

“Phộc nhật-la đồ sử-dã, học”

𑖀𑖄𑖔𑖒𑖔𑖒𑖔𑖒𑖔𑖒

VAJRA TUṢYA HOḤ

Kim Cương Mạn Ấn Minh

Lắng tâm tụng một biến:

“Tát noan, cũ lỗ, dã tha, tố khiếm”

𑖀𑖄𑖔𑖒𑖔𑖒𑖔𑖒𑖔𑖒

SARVAM KURU YATHA SUKHAM

Lại đủ Minh như trên

Mảo Kim Cương Tát Đỏa (Varasatva)

Dùng sắc thân năm Phật

An trụ Ấn tương ứng

Biển Chiếu Bạc Già Phạm (Vairocana bhagavam)

Khế trụ Kim Cương Quyển

Tiếp Đông, **A Súc Bệ** (Akṣobhya)

Định vũ (tay trái) cầm góc áo

Thành quyền an trên tim

Tuệ (tay phải) chạm đất như Nghi

Thí Nguyên Bảo Sinh Tôn (Ratnasambhava)

Trí chưởng (lòng bàn tay phải) ngửa ngang vú

Vô Lượng Quang (Amitàbha) **Thắng Ấn**

Định Quyển (quyển trái) mạn cầm sen

Tuệ quyền (Quyển phải) tựa bóc hoa

Lại như Vô Động Phật

Trí Vũ (tay phải) tướng ba phan (3 cây phan)

Như bặt tế Hữu Tình

Giương chưởng ở bên vú

Bất Không Thành Tự Ấn (Amoghasiddhi mudra)

_ Lại tác Kim Cương Phộc

Mở chưởng hợp Thiên Trí (2 ngón cái)

Đàn Tuệ (2 ngón út) như ngọn núi

Nhấn Nguyển (2 ngón giữa) vào trong chưởng

Hợp nhau như mũi tên

Ấn:tim, trán, cổ họng

Ở đỉnh cũng như thế

Đều dùng Tâm Mật Ngữ:

“**Hồng**”

𑖀

HÙM

Liên dâng nước thơm ấy

Xưng **Ất Già Minh** sau:

“**Bả la ma tố khư xả dã (1) Sa la lý đa (2) Vĩ la sa năng nhĩ đới la-năng ma nhĩ
bà nga noan, đam (3) nhược hồng noan học (4) Tứ tứ tứ tứ (5) Bát-la để xa (6) củ tố
mãn nhạ lý la-năng tha (7)**”

𑖀𑖩𑖨𑖧𑖦𑖥𑖤𑖣𑖢𑖡𑖠𑖟𑖞𑖝𑖜𑖛𑖚𑖙𑖘𑖗𑖖𑖕𑖔𑖓𑖒𑖑𑖐𑖏𑖎𑖍𑖌𑖋𑖊𑖉𑖈𑖇𑖆𑖅𑖄𑖃𑖂𑖁𑖀

PARAMASUKHÀ’SAYA _ SALALITA _ VILÀSANAMITAURNA MÀ MI
BHAGAVAM TAM _ JAḤ HÙM VAM HOḤ _ HI HI HI HI _ PRATÌCCHA _
KASUMÀM JALIRNÀTHÀ

Gần vàng trán dâng hiến

Như Nghi tắm Thánh Chúng

Y trước quán trắng đầy

Trắng tinh hiện trong Đàn

Đại Thánh ở khoảng giữa

Khế trụ **Kim Cương Mạn**

Lại bày bốn Tôn Vị

Mắt, mũi tên ngay trước

Màu đỏ, quần áo đỏ

Mão tóc dùng nghiêm sức

Hai tay giương cung tên

Nghi ngựa nhìn Tát Đỏa

Kế Lý Kế La Tôn (Kilikila)

Màu trắng ở bên phải

Kim Cương Quyển hai tay

Giao ôm Tam Muội Gia

Ở sau, gọi là **Ái**

Hình, mắt đều màu xanh

Hai quyền dựng Tuệ Tý (cánh tay phải)

Định vũ (tay trái) nâng chỏ phải

Cùng cầm phướng Ma Kiệt

Bên trái gọi là **Mạn**

Màu vàng, quyền tại háng

Hương trái hơi cúi đầu

Yết Ma Ấn Chân Ngôn

Gia trì để an lập

Đại Thánh Kim Cương Mạn

Nên tụng Tâm Mật Ngôn:

“**Hàm**”

𑖀

HÙM

Các Tôn bày thứ tự

Khởi đầu từ con mắt

Hai quyền đều bên chắc

Nghi giương cung buông tên

Tướng Mật Khế đã thành

Bí Minh, tụng như sau:

“**Nhược, phộc nhật-la địa-ly sắt-tri, sa dã kế, ma tra**”

𑖀 𑖑𑖒 𑖓𑖔 𑖕𑖖 𑖗𑖘𑖙 𑖚𑖛

JAḤ _ VAJRA DRṢṬI SAYAKE MAṬ

Dựa quyền trước, hai vũ (2 tay)

Giao cánh tay ôm ngực

Kế Lý Kế La Tôn (Kilikila Nàtha)

Nên tụng câu sau này:

“**Hàm, phộc nhật-la kế lợi cát lệ, hàm**”

𑖀 𑖑𑖒𑖓𑖔𑖕𑖖𑖗𑖘 𑖙𑖚

HÙM VAJRAKÌLIKÌLE HÙM

Lại sửa tiếp Ấn trước

Tuệ Tý (cánh tay phải) dựng như phượng
Định quyền (quyền trái) nâng cùi chỏ
Tụng Minh tên **Ái Khế**

“Hàm, phộc nhật-li nễ, sa-ma la , la tra”

ॐ वज्रम अहं ह्र

VAM VAJRINI SMÀRA RAT

Hai quyền đều ở háng
Nghĩnh đầu về vai trái
Tướng Mạn Khế mới thành
Chân Ngôn tụng như sau:

“Hộc, phộc nhật-la ca minh thấp-phộc li, đát-lam”

ॐ वज्रकामे स्वः

HOH VAJRAKÀME'SVARI TRÀM

Tiếp bày **Nội Cúng Dưỡng**
Khởi đầu góc Đông Nam
Hình dâng hoa, áo trắng
Kim Cương Diệu Thích Duyệt
Kim Cương Thích Duyệt Tính
Màu đen cầm lư hương
Kim Cương Nhãn hiến đèn
Màu sắc đỏ nghiêm sức
Bụi làm Đồ Hương Vị
Kim Cương Đại Cát Tường
Hình chất đều màu vàng
_ Tiếp bày tướng Khế ấy
Trước tiên, hai quyền múa
Như Nghi vừa kết thành
Dùng hai Kim Cương Quyền
Kèm lên trên bung ném
Tưởng diệu hoa cúng dưỡng
Chân Ngôn xưng như sau:

“Hệ, phộc nhật-la la để”

ॐ वज्र ह्रः

HE VAJRA RATIH

Kèm quyền xuống dưới, ném
Như biển mây hương đốt (Thiên Hương)
Tràn lan khắp tất cả
Tụng Chân Ngôn như sau:

“Ma ha la đa, phộc nhật-la hộc”

महा ह्र वज्र ह्रः

MAHÀ RATA VAJRA HOH

Hai quyền hợp Thiên Trí (2 ngón cái)
Như đèn, nên vận tướng

Rộng thí làm Phật sự
Mật Ngôn xứng như vậy:
“An, phộc nhật-la lộ giả ninh”

ॐ वज्र लोचन

OM VAJRA LOCANE

Kèm che hai quyền ấy
Y ôm hai hương buông
Như thế Diệu Đồ Hương
Nên tụng Chân Ngôn này:

“Ma ha thất-li phộc nhật-li, tứ”

महाश्रीवज्र ली

MAHÀ'SRÌ-VAJRI HIḤ

Các Tôn Ngoại Cúng Dưỡng

Bốn góc lại tồn tưởng

Đông Nam tên Hy Hý

Hai quyền để ngang tim

Tiểu ngu ở Tây Nam

Hai vũ (2 tay) buông bên miệng

Ca trụ ở Tây Bắc

Đàn , cầm Không Hầu ấy

Đông Bắc Vũ là tên

Như Nghi, thế xoay chuyển

Hình, quần áo màu vàng

Chân Ngôn Khế lại bày

Che kèm ở hai quyền

Buộc tim chuyển bên phải

Đây là Hy Hý Ấn

Minh ấy xứng như sau:

“Hệ, la để, phộc nhật-la, vĩ la tứ nễ, đát-la tra”

ॐ रति वज्रविलासिनि त्रत

HE RATI VAJRA-VILASINI TRAT

Như trước ấn bên miệng

Từ Đàn Tuệ (2 ngón út) buông dần

Giương chưởng duỗi cánh tay

Cười mỉm (hàm tiểu) tụng Chân Ngôn:

“Hệ, la để, phộc nhật-la hạ tế, ha ha”

ॐ रति वज्रहसे ह ह

HE RATI VAJRA-HASE HA HA

Định Tý (cánh tay trái) như Không Hầu (một loại đàn)

Sửa Tiến Lực (2 ngón trỏ) hơi co

Tuệ vũ (tay phải) thế gảy đàn

Là Ca , tụng Minh ấy:

“Hệ, la đế, phộc nhật-la nghi đế, đế đế”

𑖀 𑖩𑖦 𑖀𑖪𑖩𑖦 𑖦 𑖦

HE RATI VAJRA-GÌTE TE TE

Hai quyền múa ở tim

Hợp trên đỉnh liền buông

Tên là **Vũ Khế Tướng**

Chân Ngôn Cú liền bày:

“Hệ, la đế, phộc nhật-la nễ-li đế, phệ ba phệ ba”

𑖀 𑖩𑖦 𑖀𑖪𑖩𑖦𑖩𑖩 𑖀𑖪 𑖀𑖪

HE RATI VAJRA-NR̥TYE VEPA VEPA

Bốn **Thừa Chỉ** ở cửa

Hình Nghi lại diễn bày

Sơ (khởi đầu) **Trì Câu** (AM̐KU'SA_Câu)màu xanh

Nghiêm lệ ở tại cửa

Đông **Trì Sách** (PÀ'SA_Sách) màu vàng

Tây **Trì Tỏa** (SPHOT̐A_Tỏa)màu đỏ

Bắc ấy tên là **Khánh** (GHAM̐TA_Linh)

Mão tóc màu xanh lục

Bí Khế với Chân Ngôn

Thứ tự nay sẽ nói

Lưng hai quyền lấn nhau

Ngược Đàn Tuệ (2 ngón út) móc nhau

Tiến Lực (2 ngón trỏ) duỗi hết mức

Lại hơi co Tiến Độ (Ngón trỏ phải)

Hơi triệu là **Câu Khế**

Mình ấy xứng như sau:

“**Phộc nhật-lãng củ thể, nhược**”

𑖀𑖪𑖩𑖦𑖩𑖩 𑖀𑖪

VAJRA AM̐KU'SE JAḤ

Ấn trước giao Tiến Lực (2 ngón trỏ)

Ngược đem đầu vịn nhau

Chính giữa như vòng dây

Xứng tụng Chân Ngôn sau:

“**Phộc nhật-la bá thể, hồng**”

𑖀𑖪𑖩𑖦𑖩𑖩 𑖀𑖪

VAJRA PÀ'SE HÙM̐

Sửa Tiến Lực (2 ngón trỏ) móc nhau

Mở lưng quyền giao tý (giao cánh tay)

Liền thành tên **Tỏa Khế**

Mật Ngôn xứng như vậy:

“**Phộc nhật-la thượng ca lệ, hàm**”

𑖀𑖪𑖩𑖦𑖩𑖩 𑖀𑖪

VAJRA ‘SAMKARE VAM

Như Tỏa, lưng dính nhau

Lay động, **Khánh Minh** là:

“**Phộc nhật-la kiến tai, hộc**”

𑖀𑖄𑖔𑖃𑖄𑖂𑖄

VAJRA GHAMTE HOH

Đại Thánh nơi nghiêm sức

Tòa Hoa với quần áo

Còn lại nhìn Tôn trước

Màu sắc tùy thân tướng

Hình thù đủ mọi Đức

Đầu đội mào năm Phật

Xây dựng Mạn Trà La (Maṇḍala)

Các **địa vị** tồn tướng

Vành trăng tròn sáng hiện

Trong đó nên Quán Niệm

Bán Già, mặt Bản Tôn

Vui thích trụ chiêm ngưỡng

_ Lại nói Tam Muội Gia

Bản Tôn, trước đã bày

Khế ấy với Chân Ngôn

Như Nghi dừng sai lầm

Tôn khác, tiếp nên làm

Cũng mắt, tên (mũi tên) làm trước

Chỉ sự Hộ Thân ấy

Đại Lạc Tùy Tâm Ấn

Co gập hết Tiến Lực (2 ngón trỏ)

Lưng phần đầu dính nhau

Thiền Trí (2 ngón cái) kèm nhau duỗi

Nhiễm Giao Ấn liền thành

Tên **Kế Lý Kế La** (Kilikila)

_ Tiếp bày tướng Ma Kiệt

Tiến Độ (ngón trỏ phải) móc Nguyệt Độ (ngón giữa trái)

Giới Phương (2 ngón vô danh) duỗi thành kim

Hợp Đàn Tuệ (2 ngón út) dựng thẳng

Thiền Trí (2 ngón cái) tự kèm nhau

Đầu dè bên Tiến Lực (2 ngón trỏ)

Tướng **Ái Khế** đã thành

_ Chẳng sửa Ấn lúc trước

Từ ngoài chạm bắp vế

Phải trái cũng như vậy

Nội Cúng Đường với Minh

Nghiêng vắn Kim Cương Chưởng

Ném trên làm **Hoa Ấn**

Chẳng bung thành **Thiền Ấn** (Thiền Hương Ấn)

Thiền Trí (2 ngón cái) bức thành **Đăng** (Đền sáng)

Đồ Hương y ngực mở

Hỷ Hý chuyển xoay lẽ

Tiểu Khế sát bên miệng

Từ Đàn Tuệ (2 ngón út) mở dần

Lại kết **Ca Ấn** ấy

Sửa Tiến Độ (ngón trỏ phải) hơi co

Định vũ (tay trái) Khư Tra Ca

Tuệ (tay phải) tác tướng Tam Tràng (3 cây phướng)

Ở trái tim, xoay múa

Tám Cúng Đường đã điều

_ Tiếp kết Kim Cương Phộc

Sửa Tiến Lực (2 ngón trỏ) hơi co

Triệu dần, **Câu Khế** ấy

Từ Phộc, **sách** sẽ sinh

Thiền Độ (ngón trái phải) mở Trí (ngón cái trái) Lực (ngón trỏ trái)

Ấn thành lại làm **Tỏa**

Hoàn Tiến (ngón trỏ phải) Thiền (ngón cái phải) Trí (ngón cái trái) Lực (ngón trỏ trái)

Vịn xong liền thành câu (móc câu)

_ Lại tác Kiên Cố Phộc

Thiền Trí (2 ngón cái) dưới Giới Phướng (2 ngón vô danh)

Ngay ngực liền dao động

Làm **Khánh**, bốn **Nhiếp** thành

Tam Muội Gia Chân Ngôn

Đồng câu Yết Ma trước

Kim Cương Tát Đỏa vị

Với nơi Hành Giả ở

Đều có mười sáu Tôn

Vây quanh đoan nghiêm trụ

_ Lại **Tụng**, tiếp đã bày

Tán Tối Thắng chân thật

Có thể vừa xưng niệm

Mau khiến tròn Tất Địa

“**Ma ha tố khư (1) Ma ha la nga (2) Ma ha phộc nhật-la (3) Ma ha đà na (4) Ma ha chỉ-nhương na (5) Ma ha yết ma (6) Phộc nhật-la tát đát-phộc nễ-dã (7) Tất địa-dã minh (8)**”

महा सुख महा एत महा वक्ष महा वन महा कुन महा कर्म
वक्षसुव सु (सु) (स)

MAHÀ SUKHA _ MAHÀ RÀGA _ MAHÀ VAJRA _ MAHÀ DHANA _ MAHÀ
JÑÀNA _ MAHÀ KARMA _ VAJRASATVA DYA _ SIDDHYA MI

Tụng Tán, tiếng xong rồi
Quán niệm Bản Sở Tôn
Thân tâm chẳng tán loạn
Nân đội nơi Châu Man (tràng hạt)
Ngay tim dùng gia trì
Rồi tụng Chân Ngôn là:

“**An, phộc nhật-la ngu tứ-dã, nhạ ba, tam ma duệ, hồng**”

ॐ वज्र गुह्य रूप समये ह्रु

OM VAJRA GUHYA JÀPA SAMAYE HÙM

_Tiếp tụng Bản Sở Tôn
Cầm chuỗi trụ **Đẳng Dẫn**
Chẳng lay động đầu lưỡi
Môi răng đều hợp nhau
Kim Cương Ngũ lia tiếng
Rõ ràng, quán tướng tốt
Bốn Thời chẳng gián đoạn
Xong trăm ngàn (10 vạn biến) làm hạn
Hoặc lại vượt số ấy
Chân Ngôn xứng như vậy”

“**An, phộc nhật-la tát đát-phộc, ác**”

ॐ वज्रसूत्र ऋ

OM VAJRASATVA AṚ

Niệm tụng phần hạn xong
Nâng chuỗi phát Nguyện lớn (Đại Nguyện)
Liên kết **Căn Bản Ấn**
Tụng **Bản Minh** bảy biến
Lại tu **tám Cúng Dường**
Dùng diệu thanh tụng tán
Dâng hiến nước Ất Già
Giải Giới với các Ấn
Liên kéo Tam Muội Quyền
Mật Tụng rồi kéo mở
Tiếp kết **Yến Ma Noa**
Ba tụng ba mở tay
Mỗi một nơi sinh Ấn
Mỗi mỗi tự sẽ giải
Liên tụng Chân Ngôn là:

“**An, phộc nhật-la, mục**”

ॐ वज्रसूत्र ऋ

OM VAJRA MUṚ

Tiếp kết **Phụng Tống Ấn**

KIM CƯƠNG ĐỈNH THẮNG SƠ DU GIÀ PHỔ HIỆN BỒ TÁT
NIỆM TỤNG PHÁP
(Hết)

27/07/2006